TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT
Ngày: 27 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ đóng tàu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Nguyễn Hữu Tuyến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn
Ông Võ Bá Lưu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đạidiện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 12/2019/TLPT-KDTM ngày 02/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ đóng tàu" do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 281/2020/QĐ-PT ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Tổng công ty VT

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thủy N – Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: số 158 đường NC, phường B, quận L, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh H – Phó tổng giám đốc Tổng công ty VT; Địa chỉ: số Z (nay là số Z1), đường B1, TL, quận H2, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền số 233/GUQ-VT ngày 10/9/2018. Có mặt

- *Bị đơn:* Công ty TNHH L

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng N1 – Giám đốc Công ty

Địa chỉ: Thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng N2. Đại diện theo pháp luật ông K – Chủ tịch HĐQT. Địa chỉ: số 02 L2, phường T2, quận B2, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông S – Phó Giám đốc Ngân hàng N2- Chi nhánh Quảng Bình (theo giấy ủy quyền số 1233/QĐ-N2.QB-TH ngày 16/12/2019). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn Tổng công ty VT trình bày: Ngày 16/10/2015 giữa Công ty TNHH L (gọi tắt là Công ty L) và Chi nhánh công ty đóng tàu và vận tải K1 - Tổng Công ty (Tổng Công ty VT) đã ký kết hợp đồng đóng tàu số 42/2015/KH-KT. Theo đó Tổng Công ty VT nhận đóng mới cho Công ty L 01 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá theo thiết kế số SCD30 của Công ty CP Phát triển công nghệ K3 thiết kế do Trung tâm đăng kiểm tàu cá thuộc Tổng cục thủy sản duyệt ngày 06/10/2015. Giá trị hợp đồng theo dự toán là 15/090.337.000 đồng (không thuộc diện chịu thuế theo quy định định tại Thông tư 26/2015/TT-BTC). Thanh toán theo khối lượng hoàn thành từng giai đoạn, do đăng kiểm và chủ tàu xác nhận. Giá trị hợp đồng còn lại 5% được giữ lại để bảo hành chất lượng. Sau khi kết thúc thời hạn bảo hành, nếu không có vấn đề gì xảy ra với sản phẩm thì Công ty L phải hoàn trả số tiền 5% giá trị còn lại đó cho Tổng Công ty VT. Quá trình thực hiện đã có 02 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2016/SĐ-BS ngày 03/3/2016 với nội dung sửa đổi "Phần thiết bị máy chính Mitssubishi và hộp số trị giá 2.582.000.000 đồng giao cho Công ty L tự mua và chuyển về lắp ráp. Giá trị hợp đồng sau khi sửa đổi còn lại 12.508.337.000 đồng". Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2016/SĐ-BS ngày 02/10/2016 với nội dung sửa đổi "Công ty L sẽ mua và chịu trách nhiệm về hồ sơ pháp lý, tiến độ, chất lượng của phần trang thiết bị ngư cụ trị giá 1.100.000.000 đồng theo đúng thiết kế, kiểm định theo quy định và thanh toán cho bên bán không làm ảnh hưởng đến tiến độ đóng tàu. Giá trị hợp đồng sau khi sửa đổi còn lại số tiền là 11.408.337.000 đồng". Quá trình thực hiện Tổng Công ty VT thi công đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ đóng tàu và thực hiện bản hành theo đúng quy định và thỏa thuận tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngày 11/11/2016 hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng số 42-2015TL/KH-KT tổng giá trị nghiệm thu phải thanh toán là 11.408.337.000 đồng, giá trị đã thanh toán (95% giá trị hợp đồng) là 10.837.920.150 đồng, số tiền Công ty L còn nợ Tổng Công ty VT (bảo hành 5%) là 570.416.850 đồng. Trong thời gian bảo hành Tổng Công ty VT đã nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ bản hành, khi nhận được thông báo có sự cố từ phía Công ty L, Tổng Công ty VT đã cử cán bộ kỹ thuật và công nhân đến tận nơi xem xét nguyên nhân, sửa chữa thay thế và tìm cách khắc phục tối ưu những sự cố thuộc phạm vi nghĩa vụ bảo hành để tàu hoạt động bình thường. Trong khi đó Công ty TNHH Lưới Nghĩa Thủy đã tự ý thay đổi kết cấu không đúng thiết kế ban đầu của tàu. Số tiền bảo hành 5% Công ty L bất hợp tác không thanh toán cho Công ty VT. Vì vậy Công ty VT khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thanh toán cho Công ty VT số tiền 570.416.850 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 30/11/2017 (là ngày sau khi hết thời hạn bảo hành, chậm nhất là 10 ngày sau 01 năm kể từ ngày bàn giao tàu và các hồ sơ kỹ thuật đăng kiểm tài theo quy định) đến ngày xét xử sơ thẩm là 9%/ năm. Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Binh phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền trên với Công ty L cho Công ty VT.

* Về phía bị đơn Công ty L tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Công ty L thừa nhận ngày 16/10/2015 giữa Công ty L với Chi nhánh Công ty đóng tài vận tải K1 thuộc Tổng Công ty VT có ký kết hợp đồng đóng tàu số 42/2015/KH-KT. Tổng giá trị hợp đồng trọn gói là 15.090337.000 đồng. Sau đó hai bên có ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2016/SĐ-BS ngày 03/3/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2016/SĐ-BS ngày 02/10/2016 thì giá trị hợp đồng trọn gói còn lại là 11.408.337.000 đồng. Ngày 19/11/2016 hai bên có lập biên bản thanh lý Hợp đòng với số tiền đã trả là 10.837.920.150, số tiền bảo hành còn nợ là 570.416.850 đồng. Nay Công ty VT khởi kiện đòi số tiền trên Công ty L không chấp nhận với lý do: Tàu mới đóng 02 tháng nhưng 02 máy điện hỏng, hầm đá bị hỏng, cần cẩu hỏng. Phía Công ty có mời kỹ thuật của Công ty VT vào sửa chữa, cán bộ kỹ thuật có vào sửa nhưng không đảm bảo. Về 02 máy phát điện đó là máy Trung quốc nhưng theo Nghị quyết 67/2014/NĐ-CP là không đươc bỏ máy Trung Quốc nên Công ty L phải mua 02 máy phát điện trị giá mỗi máy là 120.000.000 đồng, mua mô tơ 30.000.000 đồng thay thế. Về số ngày chậm thi công theo hợp đồng là 135 ngày và ngày thực tế chậm giao là 240 ngày phía Tổng Công ty VT đã gây thiệt hại đến kinh tế của Công ty cụ thể Công ty đã ký với 10 công nhân lương 5.000.000 đồng/1 người/1 tháng với số tiền 400.000.000 đồng (chậm 08 tháng). Về biên bản đối chiếu công nợ Tổng Công ty VT gửi vào bằng đường bưu điện nên Công ty L không ký và đã gửi văn bản yêu cầu phía Tổng Công ty VT vào làm việc nhưng Công ty không vào nên Công ty L không có trách nhiệm. Hiện tại Công ty L đang gặp nhiều khó khăn nên đề nghị Tổng Công ty L xem xét lại yêu cầu khởi kiện.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N2 (đại diện theo ủy quyền Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Quảng Bình) trình bày: Phía Ngân hàng không đồng ý với nội dung khởi kiện và kháng cáo của Tổng Công ty VT buộc Ngân hàng phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản tiền bảo hành 5% cho Công ty L với lý do: Hợp đồng đóng tàu được ký kết giữa hai Công ty với nhau. Ngân hàng ký hợp đồng cho vay với Công ty L và giải ngân trên cơ sở có văn bản đề nghị, có hóa đơn chứng từ và biên bản nghiệm thu do Công ty L cung cấp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng cũng đã có văn bản số 797/NNN0.QB-KHDN ngày 23/7/2019 cho Tổng Công ty VT là Ngân hàng không giữ lại phí bảo hành 5% của Công ty L.

Bản án sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định:

Áp dụng khoản 1 và khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 40 và Điều 319 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty VT, buộc bị đơn Công ty L phải thanh toán cho nguyên đơn Tổng công ty VT tổng

cộng cả gốc và lãi là 665.073.991 đồng (trong đó nợ gốc 570.416.850 đồng, tiền lãi 94.657.941 đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 16/10/2019, ông N1 (Giám đốc Công ty L) có đơn kháng cáo với nội dung: Công ty L không còn nợ tiền bảo hành đối với Tổng công ty VT vì sau khi nghiệm thu tàu, quá trình sử dụng tàu bị hư hỏng một số bộ phận Công ty L đã gửi yêu cầu cho Công ty đóng tàu yêu cầu khắc phục và bảo hành nhưng chỉ cử người vào 02 lần xem xét, kiểm tra không bỏ chi phí để sửa chữa, thay thế thiết bị và cho rằng lỗi của người vận hành. Để tiếp tục hoạt động công ty L đã tự khắc phục, sửa chữa bằng vốn từ 5% bảo hành và huy động từ bên ngoài. Bên cạnh đó theo quy định của bản vẽ thiết kế của Cục đăng kiểm thì tàu sử dụng từ 10-20 năm nhưng sau 01 năm hoạt động thì tàu vỏ thép xuống cấp và nhiều bộ phận hư hỏng, chất lượng, kỹ thuật và nguyên vật liệu không đảm bảo.

Ngày 18/10/2019, ông N (Chủ tịch HĐQT - Tổng công ty VT) có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét buộc Ngân hàng N2 chi nhánh Quảng Bình liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền bảo hành của Công ty L cho Tổng công ty VT. Lý do ngày 29/10/2015 Công ty L và Ngân hàng N2 chi nhánh Quảng Bình đã ký kết hợp đồng tín dụng số 467/2015/HĐTD để vay vốn trong đó ghi rõ trách nhiệm chứng minh mục đích sử dụng vốn "khi rút vốn Công ty L phải cung cấp các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn theo quy định của pháp luật phù hợp với đối tượng VAT nêu tại Điều 2 Hợp đồng này, gồm: Hợp đồng kinh tế, hồ sơ nghiệm thu thanh toán từng phần hoặc toàn bộ hợp đồng (có xác nhận kiểm định của cơ quan đăng kiểm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định) các chứng từ, hóa đơn thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ.. (Điều 3). Phương thức thanh toán là chuyển khoản trả trực tiếp cho bên thụ hưởng là đơn vị trực tiếp ký hợp đồng đóng tàu. Tại biên bản thanh lý hợp đồng ngày 19/11/2016 cũng đã ghi rõ "Riêng giá trị bảo hành 5% giá trị hợp đồng là 570.416.850 đồng, bên phía Ngân hàng N2 Quảng Bình sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho CN Công ty đóng tàu và vận tải K1 khi hết thời hạn bảo hành chậm nhất 10 ngày sau 01 năm kể từ ngày bàn giao tàu và các hồ sơ kỹ thuật đăng kiểm tàu theo quy định". Hiện tại Công ty L không còn khả năng tài chính để thanh toán khoản tiền này. Vì vậy Ngân hàng N2 chi nhánh Quảng Bình phải có trách nhiệm chuyển số tiền tạm giữ bảo hành tàu cá cho Tổng Cổng công ty vận tải Thủy - CTCP.

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Tổng Công ty VT vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Công ty TNHH L giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Ngân hàng N2 không đồng ý với nội dung kháng cáo của Công ty VT.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty VT, không chấp nhận kháng cáo của Công ty L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thừa nhận ngày 16/10/2015 giữa Công ty L và Chi nhánh Công ty đóng tàu và vận tài K1 Tổng Công ty VT đã ký hợp đồng đóng tàu số 42/2015/KH-KT với tổng giá trị 15.090337.000 đồng. Sau đó hai bên có ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2016/SĐ-BS ngày 03/3/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2016/SĐ-BS ngày 02/10/2016 thì giá trị hợp đồng trọn gói còn lại là 11.408.337.000 đồng. Ngày 19/11/2016 hai bên có lập biên bản thanh lý Hợp đồng với số tiền đã trả là 10.837.920.150 đồng, số tiền bảo hành 5% mà Công ty L còn nợ đối với Tổng công ty VT là 570.416.850 đồng.

[2.1]. Xét kháng cáo của Tổng công ty VT về yêu cầu buộc Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Bình phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm số tiền nợ 5% của Công ty L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng đóng tàu số 42/2015/KH-KT ngày 16/10/2015 được ký kết giữa hai Công ty là Công ty L và Chi nhánh Công ty đóng tàu và vận tài K1 Tổng Công ty VT với giá trị là 15.090.337.000 đồng. Thực hiện theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản về trường hợp đóng mới tàu vỏ thép "chủ tàu được vay vốn ngân hàng thương mại tối đa 95% tổng giá trị đầu tư mới" (theo quy định tại điều 4 Nghị định 67/2014/NĐ-CP). Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Bình đã ký hợp đồng tín dụng số 467/2015/HĐTD với Công ty L với số tiền cho vay tối đa là 14.250.000.000 đồng (có các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo). Quá trình cho vay và giải ngân Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Bình đã thực hiện đúng quy định giải ngân trên cơ sở có văn bản đề nghị và hóa đơn chứng từ, biên bản nghiệm thu do Công ty L cung cấp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số tiền 14.045.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ ngày 08/12/2016 giữa Công ty L với Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Bình). Do đó Tổng công ty VT cho rằng Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Bình đang tạm giữ số tiền 5% bảo hành đóng tàu là không có cơ sở. Theo Tổng Công ty VT thì tại Biên bản thanh lý hợp đồng số 42-2015TL/KH-KT ngày 19/11/2016, ghi rõ: "Riêng giá trị bảo hành 5% giá trị hợp đồng là 570.416.850 đồng, bên phía Ngân hàng N2 Quảng Bình sẽ chịu trách

nhiệm thanh toán cho CN Công ty đóng tàu và vận tải K1 khi hết thời hạn bảo hành chậm nhất 10 ngày sau 01 năm kể từ ngày bàn giao tàu và các hồ sơ kỹ thuật đăng kiểm tàu theo quy định". Tuy nhiên biên bản thanh lý Hợp đồng chỉ được ký giữa hai Công ty với nhau, Ngân hàng N2 chi nhánh Quảng Bình không ký vào biên bản thanh lý để bảo lãnh cho số tiền bảo hành 5%. Do đó không có căn cứ xác định Ngân hàng N2 Chi nhánh Quảng Bình phải có trách nhiệm liên đới trả khoản tiền này của Tổng công ty VT đề nghị.

[2.2]. Xét kháng cáo của Công ty L cho rằng Công ty không còn nợ tiền bão hành 5% đối với Tổng công ty VT, với lý do phía Tổng Công ty VT không thực hiện đúng trách nhiệm bảo hành, các thiết bị của tàu không đảm bảo chất lượng nên Công ty L phải sử dụng số tiền đó để tự khắc phục sửa chữa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng và nhận tàu Công ty L không có ý kiến gì về chất lượng và thiết bị tàu, khi nhận tàu cũng có Trung tâm kiểm định, Công ty L đã xác nhận và hai bên cũng đã ký tổng hợp giá trị nghiệm thu từng giai đoạn và thanh toán tiền. Ngày 19/11/2016 hai Công ty cũng đã ký biên bản thanh lý Hợp đồng số 42-2015TL/KH-KT xác nhận số tiền còn nợ 5% phí bảo hành là 570416.850 đồng. Trong thời gian bảo hành, khi nhận được yêu cầu sự cố từ Công ty L, Tổng công ty VT đã cử cán bộ để sữa chữa, tìm cách khắc phục tối ưu những sự cố thuộc phạm vi bảo hành và hướng dẫn cho phía Công ty L để tàu hoạt động. Công ty L cũng đã thừa nhận Tổng công ty VT có cử cán bộ vào bảo hành nhưng cho rằng bảo hành không đảm bảo. Tuy nhiên phía Công ty L không có văn bản yêu cầu thay đổi thiết bị máy móc khi cho rằng việc sửa chữa bảo hành không đảm bảo để tàu tiếp tục hoạt động mà đã tự thay đổi thiết bị máy móc, thay đổi kết cấu tàu và sử dụng tàu không đúng nên việc tàu xảy ra sự cố không thuộc lỗi phía Tổng công ty VT. Công ty L cho rằng việc thực hiện hợp đồng chậm tiến độ, chất lượng không đảm bảo nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên Công ty L không hề có văn bản khiếu nại, cũng không thực hiện quyền khiếu nại về chất lượng hàng hóa theo quy định của Luật Thương mại, dẫn đến thiếu căn cứ để xem xét, đánh giá chất lượng tàu ở thời điểm bàn giao tàu do thời gian sử dụng tàu đã lâu (4 năm), bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ gì cho việc xác định thiệt hại. Mặt khác, thời gian bảo hành các bên thỏa thuận kể từ ngày bàn giao tàu đã hết nên Công ty L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 5% phí bảo hành cho Tổng Công ty VT. Do đó, án sơ thẩm xử buộc Công ty L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền bảo hành 5% và tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ và đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy kháng cáo của Tổng công ty VT và kháng cáo của Công ty L không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty VT và Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Đây là vụ án kinh doanh thương mại, nhưng Tòa án sơ thẩm thu tạm ứng án phí theo mức thu quy định của án tranh chấp dân sự là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ khoản 1 và khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 40 và Điều 319 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty VT và kháng cáo của Công ty L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình: Xử buộc Công ty L phải thanh toán cho Tổng công ty VT số tiền là: 665.073.991 đồng (trong đó nợ gốc 570.416.850 đồng, tiền lãi 94.657.941 đồng).

Kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (04/10/2019), nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Tổng Công ty VT phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 15.534.855đồng tại Biên lai số AA/2017/000869 ngày 20/3/2019 và số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0005603 ngày 28/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Tổng Công ty VT được nhận lại số tiền 13.834.855đồng.

Ngoài án phí sơ thẩm đã được tuyên tại Bản án sơ thẩm, buộc Công ty L phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0005601 ngày 25/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND Tp Đồng Hới;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA Tp Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyến